

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ CÀ MAU**  
**TỈNH CÀ MAU**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 9 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Trọng Tâm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

**- Đại diện viên kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:**  
Bà Bùi Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 462/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Ngọc D; Sinh năm: 1980; Địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn A; Sinh năm: 1981; Địa chỉ: B, ấp V, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Lâm Ngọc D trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tuấn A tự nguyện chung sống vào năm 2000, đến năm 2018 mới đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong việc làm ăn, thường xuyên cãi nhau vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tuấn A.

- Con chung: Chị và anh Tuấn A có 02 người con chung tên Nguyễn Tuấn X, sinh ngày 24/12/2001, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 25/8/2011, hiện nay đang sống cùng anh Tuấn A. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu H cho anh Tuấn A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị xác định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại anh, chị.

*Anh Nguyễn Tuấn A trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Hôn nhân: Về thời gian chung sống, kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị D trình bày. Trong thời gian chung sống đến năm 2018, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị D bỏ nhà đi cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị D yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- Con chung: Anh và chị D có 02 người con chung tên Nguyễn Tuấn X, sinh ngày 24/12/2001, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 25/8/2011. Hiện nay đang sống cùng anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu H, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Anh xác định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại anh, chị.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến như sau:* Về việc chấp hành pháp luật trong tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ được quy định trong pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A; Giao con chung tên Nguyễn Tuấn H cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng; Không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết; Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Nguyên đơn chị Lâm Ngọc D, bị đơn anh Nguyễn Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng chị D và anh Tuấn A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Hôn nhân: Chị Lâm Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A. Chị D cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Anh Tuấn A cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị D bỏ nhà đi từ năm 2018 cho đến nay, anh đồng ý ly hôn. Hội đồng xét

xử thấy rằng, chị D và anh Tuấn A chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thực tế anh, chị đã sống ly thân với nhau, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị D về việc ly hôn với anh Tuấn A là có căn cứ.

[3] Con chung: Chị D và anh Tuấn A có 02 người con chung tên Nguyễn Tuấn X, sinh ngày 24/12/2001, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 25/8/2011, hiện nay đang sống cùng anh Tuấn A. Khi ly hôn, chị D và anh Tuấn A thống nhất giao cháu H cho anh Tuấn A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự và phù hợp với ý kiến cháu H có nguyện vọng sống cùng cha tại Biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 30/8/2022, nên chấp nhận giao cháu H cho anh Tuấn A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tạm thời không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Tài sản chung: Chị D và anh Tuấn A xác định không có. Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Chị D và anh Tuấn A xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Ngọc D về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

Con chung: Giao Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 25/8/2011, hiện nay đang sống cùng anh Tuấn A cho anh Tuấn A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Lâm Ngọc D phải nộp 300.000 đồng. Ngày 04/8/2022, chị D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001849, được đối trừ, chuyển thu, nộp vào Ngân sách nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hân**